

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT DÂN QUÂN TỰ VỆ NĂM 2019

Luật Dân quân tự vệ được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 22/11/2019 (sau đây viết tắt là Luật dân quân tự vệ năm 2019); được Chủ tịch nước công bố tại Lệnh số 12/2019/L-CTN ngày 03/12/2019; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2020 và thay thế Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT DÂN QUÂN TỰ VỆ¹

Luật Dân quân tự vệ được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 23 tháng 11 năm 2009 (sau đây viết tắt là Luật dân quân tự vệ năm 2009), có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2010. Sau hơn 9 năm thực hiện đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo cơ sở pháp lý để xây dựng Dân quân tự vệ (DQTV) vững mạnh và rộng khắp, nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của DQTV, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, củng cố và tăng cường tiềm lực quốc phòng, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương, cơ sở.

Tuy nhiên, nhiều chủ trương, quan điểm mới của Đảng, quy định của Hiến pháp năm 2013 liên quan đến DQTV chưa được thể chế và cụ thể hóa. Một số quy định của Luật Dân quân tự vệ chưa thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) về quốc phòng và pháp luật có liên quan. Nhiều vấn đề mới phát sinh trên thực tiễn liên quan đến DQTV chưa được điều chỉnh hoặc điều chỉnh chưa đầy đủ, đã bộc lộ nhiều hạn chế, vướng mắc, bất cập về xây dựng, huấn luyện, đào tạo, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV, thể hiện ở một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, từ năm 2009 đến nay, Đảng đã ban hành các nghị quyết, chỉ thị với nhiều chủ trương, quan điểm mới về bảo vệ Tổ quốc, quốc phòng, an ninh liên quan đến DQTV cần phải được thể chế, như: Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định quan điểm “... *chú trọng xây dựng lực lượng DQTV...*”; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đã có phát triển mới về xây dựng lực lượng vũ trang

¹ Tờ trình số 46/TTr-CP ngày 21/02/2019 của Chính phủ về Dự án Luật Dân quân tự vệ (sửa đổi).

quần chúng như “*sẵn sàng vũ trang toàn dân bảo vệ Tổ quốc...*”; điều chỉnh tổ chức Quân đội nhân dân và DQTV theo hướng: “*... cân đối giữa bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, DQTV...; xây dựng DQTV rộng khắp, có chất lượng cao*”; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược quốc phòng Việt Nam, xác định: *khi xảy ra chiến tranh xâm lược chủ động thực hiện phương châm “làng giữ làng, bản giữ bản, xã giữ xã, huyện giữ huyện, tỉnh giữ tỉnh, xây dựng DQTV rộng khắp, chất lượng cao, hiệu quả thiết thực, phù hợp với từng địa bàn, loại hình tổ chức kinh tế, xã hội, đổi mới mô hình tổ chức, huấn luyện, hoạt động của DQTV. Tập trung xây dựng dân quân thường trực các tỉnh biên giới, địa bàn trọng điểm và DQTV biển*”; Kết luận số 31-KL/TW ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược quân sự Việt Nam, xác định: “*Xây dựng đồng bộ, phù hợp giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và DQTV*”; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII) một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 41-KL/TW ngày 31 tháng 3 năm 2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 05 tháng 10 năm 2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) chỉ rõ: “*Coi trọng việc xây dựng lực lượng DQTV hoạt động trên biển, đảo*”.

Thứ hai, Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân*”; “*Nhà nước củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân mà nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân*”; “*Cơ quan, tổ chức, công dân phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng...*”; “*Nhà nước xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại... lực lượng DQTV vững mạnh và rộng khắp, làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng*”.

Từ năm 2009 đến nay, Quốc hội đã ban hành một số luật liên quan đến DQTV, như: Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009, Luật Biển Việt Nam năm 2012, Bộ luật Lao động năm 2012, Luật Giáo dục đại học năm 2012, Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013, Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014, Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Luật Giáo dục năm 2015, Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017, Luật Quy hoạch năm 2017, Luật Quốc phòng năm 2018, Luật Cảnh sát biển Việt Nam năm 2018, Luật Công an nhân dân năm 2018.

Luật Dân quân tự vệ năm 2019 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật có nhiều quy định không còn phù hợp, thiếu thống nhất, chưa đầy đủ, đồng bộ với các Luật nêu trên và hệ thống pháp luật hiện hành về: Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của DQTV; nhiệm vụ, tổ chức, thành phần DQTV; độ tuổi, tạm hoãn, miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV; tiêu chuẩn tuyển chọn, đăng ký quản lý, thôi trước thời hạn, nghỉ thai sản, đưa ra khỏi danh sách DQTV; hệ thống chỉ huy DQTV; tổ chức DQTV thường trực, biên, điều kiện tổ chức đơn vị tự vệ trong tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp; thôn đội, thôn đội trưởng, Ban chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở; Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã; thẩm quyền thành lập, giải thể đơn vị DQTV, đơn vị tự vệ trong doanh nghiệp Quân đội; đào tạo cán bộ quân sự Ban chỉ huy quân sự cấp xã, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách, kinh phí bảo đảm cho DQTV.

Thứ ba, qua tổng kết thực hiện Luật Dân quân tự vệ năm 2019, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác DQTV đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập ảnh hưởng đến chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của DQTV. Một trong những nguyên nhân dẫn đến hạn chế, bất cập về công tác DQTV là do một số quy định của Luật Dân quân tự vệ năm 2009 và các văn bản thi hành Luật còn nhiều vướng mắc, bất cập, chưa thể chế đầy đủ quan điểm, chủ trương mới của Đảng, chưa cụ thể quy định của Hiến pháp năm 2013 về DQTV và chưa phù hợp với thực tiễn đất nước.

Thứ tư, thực tiễn trong chiến tranh giải phóng dân tộc, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trước đây và dự báo chiến tranh nếu xảy ra trong tương lai, ở bất kỳ quy mô, hình thái, phương thức chiến tranh nào thì DQTV luôn là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở; thực hiện phương châm toàn dân, toàn diện, tự lực, tự cường, làng giữ làng, xã giữ xã. DQTV là lực lượng phát hiện và đánh địch ngay từ đầu và trong suốt cuộc chiến tranh; trụ bám địa bàn, căng kéo, kìm hãm, quần lộn, tiêu hao, tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, buộc địch phải phân tán đối phó, tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ cho bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và lực lượng của cấp trên tác chiến trên địa bàn. Vì vậy, xây dựng DQTV vững mạnh và rộng khắp là vấn đề có ý nghĩa chiến lược cần phải thực hiện ngay từ thời bình, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần củng cố, tăng cường nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, sẵn sàng chuyển sang thế trận chiến tranh dân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, việc xây dựng, ban hành Luật Dân quân tự vệ (sửa đổi) là cần thiết.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT DÂN QUÂN TỰ VỆ NĂM 2019

Luật DQTV năm 2019 gồm 8 chương, 50 điều (*giảm 01 chương, 16 điều so với Luật DQTV năm 2009*), cụ thể:

1. Chương I: Những quy định chung, gồm 14 điều (từ Điều 1 đến Điều 14), quy định về: Phạm vi điều chỉnh; Giải thích từ ngữ; Vị trí, chức năng của DQTV; Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của DQTV; Nhiệm vụ của DQTV; Thành phần của DQTV; Ngày truyền thống của DQTV; Độ tuổi, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trong thời bình; Đăng ký công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV, quản lý DQTV; Tiêu chuẩn, tuyển chọn và thẩm quyền quyết định công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV; Tạm hoãn, miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trong thời bình; Thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trước thời hạn, đưa ra khỏi danh sách DQTV; Hoàn thành nghĩa vụ tham gia DQTV; Các hành vi bị nghiêm cấm.

2. Chương II: Tổ chức, biên chế, vũ khí, trang bị của DQTV, gồm 11 điều (từ Điều 15 đến Điều 25), quy định về: Tổ chức DQTV; Mở rộng lực lượng DQTV; Điều kiện tổ chức tự vệ trong doanh nghiệp; Hệ thống chỉ huy DQTV; Chức vụ chỉ huy DQTV; Ban chỉ huy quân sự cấp xã, thôn đội trưởng; Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; Thẩm quyền thành lập, giải thể đơn vị DQTV, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức vụ chỉ huy DQTV; Trang phục, sao mũ, phù hiệu của DQTV; Trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật cho DQTV.

3. Chương III: Đào tạo Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; tập huấn, bồi dưỡng các chức vụ chỉ huy; huấn luyện DQTV, gồm 03 điều (từ Điều 26 đến Điều 28), quy định về: Đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Tập huấn, bồi dưỡng các chức vụ chỉ huy DQTV; Huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập cho DQTV.

4. Chương IV: Hoạt động của DQTV, gồm 04 điều (từ Điều 29 đến Điều 32), quy định về: Hoạt động sẵn sàng chiến đấu; Hoạt động chiến đấu, phục vụ chiến đấu; Hoạt động phối hợp của DQTV; Thẩm quyền điều động DQTV.

5. Chương V: Chế độ, chính sách và nhiệm vụ chi cho DQTV, gồm 07 điều (từ Điều 33 đến Điều 39), quy định về: Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với các chức vụ chỉ huy DQTV; Chế độ, chính sách đối với DQTV khi làm nhiệm vụ; Chế độ, chính sách đối với DQTV bị ốm, bị tai nạn, bị chết, bị thương, hy sinh; Nguồn kinh phí; Nhiệm vụ chi của Bộ Quốc phòng; Nhiệm vụ chi của địa phương; Nhiệm vụ chi của cơ quan, tổ chức.

6. Chương VI: Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về DQTV, gồm 06 điều (từ Điều 40 đến Điều 45), quy định về: Trách nhiệm của Chính phủ; Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; Trách nhiệm của Bộ Công an; Trách nhiệm của Bộ, cơ quan, tổ chức; Trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp; Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT DQTV NĂM 2019

1. Những quy định chung

1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật Dân quân tự vệ năm 2019 quy định về nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; vị trí, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc, tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với Dân quân tự vệ.

1.2. Vị trí, chức năng của Dân quân tự vệ (Điều 3)

Điều 3 quy định về vị trí, chức năng của Dân quân tự vệ như sau: *“Dân quân tự vệ là thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân; là lực lượng bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của cơ quan, tổ chức ở địa phương, cơ sở; làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh”*.

Theo đó, DQTV vệ là lực lượng vũ trang quân chúng không thoát ly sản xuất, công tác, được tổ chức ở địa phương gọi là dân quân, được tổ chức ở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức) gọi là tự vệ; là thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân; là lực lượng bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của cơ quan, tổ chức ở địa phương, cơ sở; làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh.

So với Luật DQTV năm 2009, Luật DQTV năm 2019 đã bổ sung hoàn chỉnh địa vị pháp lý về vị trí, chức năng của DQTV là thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân; là lực lượng bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của cơ quan, tổ chức ở địa phương, cơ sở; làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh.

1.3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Dân quân tự vệ (Điều 4)

Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Dân quân tự vệ được quy định như sau:

“1. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ, trực tiếp là sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, người đứng đầu cơ quan, tổ chức; sự chỉ huy cao nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; sự chỉ huy

của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, người chỉ huy đơn vị quân đội.

2. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; dựa vào dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc và hệ thống chính trị để thực hiện nhiệm vụ.

3. Xây dựng Dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp; tổ chức, biên chế của Dân quân tự vệ phải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, gắn với địa bàn và nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, tổ chức; thuận tiện cho lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, quản lý và phù hợp với tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, cơ quan, tổ chức”.

So với Luật DQTV năm 2009, Luật DQTV năm 2019 đã bổ sung quy định về nguyên tắc tổ chức, hoạt động, đó là sự chỉ huy của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam và người chỉ huy đơn vị Quân đội để bảo đảm chặt chẽ nguyên tắc lãnh đạo của Đảng đối với DQTV và phù hợp với thực tế.

1.4. Nhiệm vụ của Dân quân tự vệ (Điều 5)

Dân quân tự vệ có 07 nhóm nhiệm vụ sau:

(1) Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, cơ sở, cơ quan, tổ chức.

(2) Phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, hải đảo, vùng biển, vùng trời Việt Nam; tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

(3) Thực hiện nhiệm vụ huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập.

(4) Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền.

(5) Phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác theo quy định của pháp luật.

(6) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh; tham gia xây dựng địa phương, cơ sở vững mạnh toàn diện, thực hiện chính sách xã

hội.

(7) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

So với Luật hiện hành, Luật DQTV năm 2019 kế thừa nhiều quy định, đồng thời bổ sung nhiệm vụ “Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền” để thống nhất với Luật Quốc phòng, đáp ứng yêu cầu hoạt động của DQTV trong tình hình mới, các hình thái chiến tranh mới trong tương lai, phù hợp với khả năng của DQTV. Vì DQTV là lực lượng vũ trang quân chúng không thoát ly sản xuất, công tác, có điều kiện tiếp cận với khoa học công nghệ nên có đủ khả năng để thực hiện nhiệm vụ trên.

1.5. Thành phần của Dân quân tự vệ (Điều 6)

Thành phần của Dân quân tự vệ bao gồm: (1) Dân quân tự vệ tại chỗ; (2) Dân quân tự vệ cơ động; (3) Dân quân thường trực; (4) Dân quân tự vệ biển; (5) Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y

Trong đó: DQTV tại chỗ là lực lượng làm nhiệm vụ ở thôn, ấp, bản, làng, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu (*sau đây gọi chung là thôn*) và ở cơ quan, tổ chức. DQTV cơ động là lực lượng cơ động làm nhiệm vụ trên các địa bàn theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Dân quân thường trực là lực lượng thường trực làm nhiệm vụ tại các địa bàn trọng điểm về quốc phòng. DQTV biển là lực lượng làm nhiệm vụ trên các hải đảo, vùng biển Việt Nam.

Như vậy, Luật DQTV năm 2019 đã quy định dân quân thường trực là một trong những thành phần của DQTV, không luân phiên trong dân quân cơ động, để khẳng định địa vị pháp lý của dân quân thường trực, phù hợp với thực tế hiện nay các địa phương đã và đang thực hiện. Thực tế những năm qua, dân quân thường trực hoạt động rất hiệu quả, nhất là ở địa bàn biên giới, ven biển, đảo, mô hình hoạt động của dân quân thường trực, chốt chiến đấu của dân quân thường trực biên giới đất liền gắn với dân cư đã góp phần bảo vệ vững chắc biên giới quốc gia.

1.6. Độ tuổi, thời hạn, đăng ký thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trong thời bình (Điều 8, Điều 9)

So với quy định của Luật hiện hành, Điều 8 của Luật DQTV năm 2019 quy định thời hạn tham gia dân quân thường trực là 02 năm; đồng thời, bổ sung quy định đối với dân quân biển, tự vệ và chỉ huy đơn vị DQTV được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV đến hết 50 tuổi đối với nam, đến hết 45 tuổi đối với nữ để khắc phục tình trạng một số địa phương, cơ quan tổ

chức thiếu người để tổ chức DQTV. Tại Điều 9 cũng bổ sung quy định lồng ghép đăng ký công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV với đăng ký nghĩa vụ quân sự nhằm cải cách hành chính, tiết kiệm thời gian, nguồn lực của công dân và cơ quan, tổ chức theo tinh thần cải cách hành chính của Đảng và nhà nước. Cụ thể:

Công dân nam từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, công dân nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi có nghĩa vụ tham gia DQTV; nếu tình nguyện tham gia DQTV thì có thể kéo dài đến hết 50 tuổi đối với nam, đến hết 45 tuổi đối với nữ. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV tại chỗ, DQTV cơ động, DQTV biển, DQTV phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế là 04 năm; dân quân thường trực là 02 năm. Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương, cơ quan, tổ chức, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV được kéo dài nhưng không quá 02 năm; đối với dân quân biển, tự vệ và chỉ huy đơn vị DQTV được kéo dài hơn nhưng không quá độ tuổi quy định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định kéo dài độ tuổi, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV.

Tháng 4 hằng năm, căn cứ kết quả đăng ký nghĩa vụ quân sự, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm đăng ký cho công dân đủ 18 tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV; tổ chức đăng ký bổ sung cho công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV. Công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV khi thay đổi nơi cư trú đến đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã có trách nhiệm đăng ký cho công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV. Trường hợp thay đổi nơi làm việc thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm đăng ký cho công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV.

1.7. Tạm hoãn, miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trong thời bình (Điều 11)

** Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trong thời bình*

Công dân được tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trong trường hợp sau:

(1) Phụ nữ mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi; nam giới một mình nuôi con dưới 36 tháng tuổi;

(2) Không đủ sức khỏe thực hiện nhiệm vụ của DQTV;

(3) Có chồng hoặc vợ là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ trong Quân đội nhân dân;

(4) Có chồng hoặc vợ là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân công an đang phục vụ trong Công an nhân dân;

(5) Có chồng hoặc vợ là cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

(6) Lao động duy nhất trong hộ nghèo, hộ cận nghèo; người phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động; người trong hộ gia đình bị thiệt hại nặng về người và tài sản do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi công dân cư trú hoặc làm việc xác nhận;

(7) Vợ hoặc chồng, một con của thương binh, bệnh binh, người bị nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%;

(8) Người đang học tại trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; người đang lao động, học tập, làm việc ở nước ngoài.

So với Luật DQTV năm 2009, Luật DQTV 2019 đã mở rộng đối tượng được tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV, gồm: (1) Nam giới một mình nuôi con dưới 36 tháng tuổi; (2) Có chồng hoặc vợ là cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; (3) Lao động duy nhất trong hộ cận nghèo; người phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động; người trong hộ gia đình bị thiệt hại nặng về người và tài sản do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi công dân cư trú hoặc làm việc xác nhận; (4) Vợ hoặc chồng, một con của thương binh, bệnh binh, người bị nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%.

** Miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trong thời bình*

Công dân được miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trong trường hợp sau đây:

(1) Vợ hoặc chồng, con của liệt sĩ;

(2) Vợ hoặc chồng, con của thương binh, bệnh binh, người bị nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

(3) Quân nhân dự bị đã được sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên;

(4) Người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc Bà mẹ Việt Nam anh hùng; người trực tiếp nuôi dưỡng người suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

(5) Người làm công tác cơ yếu.

So với Luật DQTV năm 2009, Luật DQTV 2019 đã mở rộng đối tượng được miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV, gồm: (1) Người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc Bà mẹ Việt Nam anh hùng; (2) Người làm công tác cơ yếu.

1.8. Thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trước thời hạn, đưa ra khỏi danh sách DQTV (Điều 12)

Luật quy định thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trước thời hạn trong trường hợp: (1) DQTV nữ mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, DQTV nam một mình nuôi con dưới 36 tháng tuổi; (2) Không đủ sức khỏe thực hiện nhiệm vụ của DQTV; (3) Hoàn cảnh gia đình khó khăn đột xuất không có điều kiện tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác nhận; (4) Có lệnh gọi nhập ngũ hoặc lệnh gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; có quyết định tuyển dụng vào công chức, viên chức, công nhân quốc phòng, công nhân công an; (5) Có giấy báo và vào học ở cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; người có giấy báo và đi lao động, học tập, làm việc ở nước ngoài.

Đưa ra khỏi danh sách DQTV trong trường hợp sau đây: (1) Chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là mất tích, đã chết; (2) Bị khởi tố bị can; (3) Bị tước danh hiệu DQTV; (4) Bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; (5) Nghiện ma túy theo xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; (6) Bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

So với Luật DQTV năm 2009, Luật DQTV năm 2019 đã bổ sung quy định thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trước thời hạn. Đồng thời, quy định đưa ra khỏi danh sách DQTV để khắc phục những vướng mắc, bất cập của Luật DQTV năm 2009, nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng DQTV.

Về thẩm quyền, Luật quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ

tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trước thời hạn, đưa ra khỏi danh sách DQTV.

1.9. Hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ (Điều 13)

Công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia DQTV khi thuộc một trong các trường hợp sau:

(1) DQTV đã phục vụ đủ thời hạn theo quy định của Luật DQTV được công nhận hoàn thành nghĩa vụ tham gia DQTV.

(2) Công dân đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia DQTV nhưng còn trong độ tuổi quy định tại của Luật DQTV thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức đăng ký, quản lý để sẵn sàng mở rộng lực lượng DQTV.

(3) Dân quân thường trực được công nhận hoàn thành thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định công nhận công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia DQTV.

1.10. Các hành vi bị nghiêm cấm về DQTV (Điều 14)

Luật quy định 06 nhóm hành vi bị nghiêm cấm sau:

(1) Thành lập, tham gia, tài trợ tổ chức, huấn luyện, điều động, sử dụng Dân quân tự vệ trái pháp luật.

(2) Trốn tránh, chống đối, cản trở việc tổ chức, huấn luyện, hoạt động và thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.

(3) Giả danh Dân quân tự vệ.

(4) Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn, nhiệm vụ của Dân quân tự vệ được giao xâm phạm lợi ích của quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(5) Sản xuất, vận chuyển, mua bán, thu gom, tàng trữ, sử dụng, chiếm giữ trái pháp luật vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, trang phục, sao mũ, phù hiệu, tài sản của Dân quân tự vệ.

(6) Phân biệt đối xử về giới trong công tác Dân quân tự vệ.

2. Tổ chức, biên chế, vũ khí, trang bị của DQTV

2.1. Tổ chức DQTV (Điều 15)

Tổ chức DQTV được quy định như sau:

(1) Thôn tổ chức tổ, tiểu đội hoặc trung đội dân quân tại chỗ.

(2) Cấp xã tổ chức trung đội dân quân cơ động. Cấp xã ven biển, đảo tổ chức trung đội dân quân cơ động và tiểu đội hoặc trung đội dân quân biên. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, cấp xã tổ chức khẩu đội cối, tổ hoặc tiểu đội dân quân trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế; cấp xã trọng điểm về quốc phòng tổ chức tiểu đội hoặc trung đội dân quân thường trực.

(3) Cơ quan, tổ chức tổ chức tiểu đội, trung đội, đại đội hoặc tiểu đoàn tự vệ. Cơ quan, tổ chức có phương tiện hoạt động trên biển tổ chức tiểu đội, trung đội, hải đội hoặc hải đoàn tự vệ.

(4) Trên cơ sở tổ chức đơn vị DQTV nêu trên, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, cấp huyện tổ chức trung đội hoặc đại đội DQTV cơ động, trung đội DQTV phòng không, pháo binh, tiểu đội hoặc trung đội dân quân thường trực; cấp tỉnh tổ chức đại đội DQTV phòng không, pháo binh; cấp tỉnh ven biển tổ chức hải đội dân quân thường trực.

So với Luật DQTV năm 2019, Luật DQTV năm 2019 đã bổ sung quy định thôn đội trưởng kiêm tiểu đội trưởng hoặc trung đội trưởng dân quân tại chỗ ở thôn, để thể chế Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII nhằm tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động của dân quân ở thôn. Quy định này giảm trên 130.000 dân quân ở thôn. Đồng thời, quy định các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển tổ chức hải đội dân quân thường trực nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng và nhà nước thực hiện đối sách đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới.

2.2. Tổ chức tự vệ trong doanh nghiệp (Điều 17)

Điều 17 quy định doanh nghiệp được xem xét quyết định thành lập đơn vị tự vệ khi có đủ các điều kiện sau đây: (1) Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của Ủy ban nhân dân các cấp và sự chỉ huy của cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh, cấp huyện; (2) Theo yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đề án, kế hoạch tổ chức DQTV của địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động và phù hợp với tổ chức sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; (3) Đã hoạt động từ đủ 24 tháng trở lên; (4) Có số lượng người lao động đủ tiêu chuẩn tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV để tổ chức ít nhất 01 tiểu đội tự vệ.

Quy định này có tính chất mở và linh hoạt, chỉ thành lập tự vệ trong các doanh nghiệp khi có yêu cầu của nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong khu vực phòng thủ của địa phương và phù hợp với tổ chức sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2.3. Hệ thống chỉ huy DQTV (Điều 18)

Điều 18 bổ sung quy định hệ thống chỉ huy DQTV để phù hợp với Luật Quốc phòng và tạo cơ sở pháp lý để chỉ huy DQTV, bảo đảm thống nhất và hiệu quả.

Hệ thống chỉ huy DQTV gồm: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam; Tư lệnh quân khu, Tư lệnh quân chủng, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Tư lệnh Cảnh sát biên, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh binh chủng, Tư lệnh binh đoàn; Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh; Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện; Người đứng đầu doanh nghiệp quân đội có tổ chức tự vệ; Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Tiểu đoàn trưởng, Hải đoàn trưởng, Đại đội trưởng, Hải đội trưởng, Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng, Thuyền trưởng, Khẩu đội trưởng đơn vị DQTV; Thôn đội trưởng.

2.4. Chức vụ chỉ huy DQTV (Điều 19)

Điều 19 bổ sung đầy đủ các chức vụ chỉ huy DQTV (cả cấp phó) để thực hiện thống nhất, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ huy DQTV; đồng thời, làm cơ sở để quy định chế độ, chính sách đối với các chức vụ chỉ huy DQTV. Trong đó:

Các chức vụ chỉ huy của Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức bao gồm: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên; Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó.

Các chức vụ chỉ huy của đơn vị DQTV bao gồm: Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên tiểu đoàn, Phó Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên phó tiểu đoàn; Hải đoàn trưởng, Chính trị viên hải đoàn, Phó Hải đoàn trưởng, Chính trị viên phó hải đoàn; Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội, Phó Đại đội trưởng, Chính trị viên phó đại đội; Hải đội trưởng, Chính trị viên hải đội, Phó Hải đội trưởng, Chính trị viên phó hải đội; Trung đội trưởng; Tiểu đội trưởng, Thuyền trưởng, Khẩu đội trưởng; Thôn đội trưởng kiêm chỉ huy đơn vị dân quân tại chỗ.

2.5. Ban chỉ huy quân sự cấp xã, thôn đội trưởng (Điều 20)

Điều 20 quy định ban chỉ huy quân sự cấp xã là cơ quan thường trực công tác quốc phòng ở cấp xã. Thành phần Ban chỉ huy quân sự cấp xã bao gồm: Chỉ huy trưởng là Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã, sĩ quan dự bị; trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh được gọi vào phục vụ tại ngũ theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Chính trị viên do Bí thư cấp ủy cấp xã đảm nhiệm; Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn Thanh

niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã đảm nhiệm; Phó Chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Thôn đội trưởng có nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy, chỉ bộ thôn lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở thôn; quản lý, chỉ huy trực tiếp dân quân thuộc quyền; phối hợp thực hiện chính sách hậu phương quân đội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

2.6. Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức (Điều 21)

Điều 21 quy định Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức được xem xét thành lập khi cơ quan, tổ chức có đủ các điều kiện sau: (1) Có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; (2) Có đơn vị tự vệ của cơ quan, tổ chức.

Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, thành phần gồm Chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Chính trị viên là Bí thư hoặc Phó Bí thư cấp ủy cùng cấp, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó.

2.7. Thẩm quyền thành lập, giải thể đơn vị DQTV, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức (Điều 22)

Điều 22 quy định thẩm quyền thành lập đơn vị DQTV, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, trừ đơn vị tự vệ trong doanh nghiệp quân đội như sau:

Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam quyết định thành lập đại đội DQTV pháo phòng không, đại đội DQTV pháo binh.

Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Quân chủng Hải quân, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội quyết định thành lập tiểu đoàn tự vệ; hải đội DQTV, hải đội dân quân thường trực; hải đoàn DQTV.

Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định thành lập đại đội tự vệ, đại đội dân quân cơ động; trung đội DQTV phòng không, pháo binh; trung đội DQTV biển; tiểu đội, trung đội dân quân thường trực.

Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định thành lập trung đội DQTV cơ động; tiểu đội, trung đội DQTV tại chỗ; khẩu đội DQTV pháo binh; tổ, tiểu đội dân quân trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế; tiểu đội DQTV biển.

Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã quyết định thành lập tổ dân quân tại chỗ sau khi báo cáo Ban chỉ huy quân sự cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã; nơi không có đơn vị hành chính cấp xã do Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định thành lập.

Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thủ đô Hà Nội, Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định thành lập Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 21, cấp có thẩm quyền quyết định thành lập thì có quyền quyết định giải thể đơn vị DQTV, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức.

2.8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức vụ chỉ huy DQTV (Điều 23)

Điều 23 Luật DQTV năm 2019 quy định thẩm quyền bổ nhiệm các chức vụ chỉ huy DQTV, trừ chức vụ chỉ huy tự vệ trong doanh nghiệp quân đội như sau:

Tur lệnh quân khu, Tur lệnh Quân chủng Hải quân, Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thủ đô Hà Nội quyết định bổ nhiệm các chức vụ chỉ huy tiểu đoàn, hải đoàn DQTV.

Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thủ đô Hà Nội, Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm chức vụ chỉ huy đại đội, hải đội DQTV; Tur lệnh Quân chủng Hải quân quyết định bổ nhiệm các chức vụ chỉ huy hải đội tự vệ thuộc quyền quản lý.

Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định bổ nhiệm Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng, Thuyền trưởng và Khẩu đội trưởng DQTV.

Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thủ đô Hà Nội, Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm các chức vụ chỉ huy của Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bổ nhiệm các chức vụ chỉ huy của Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

Việc miễn nhiệm các chức vụ chỉ huy DQTV được quy định như sau: Miễn nhiệm các chức vụ chỉ huy DQTV khi thay đổi vị trí công tác, thay đổi tổ chức mà không còn biên chế chức vụ đang đảm nhiệm hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện thực hiện chức vụ hiện tại. Cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm chức vụ nào thì có quyền quyết định miễn nhiệm chức vụ đó.

3. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện

3.1. Đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã (Điều 26)

Để bảo đảm chất lượng, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ, Điều 26 Luật DQTV năm 2019 đã quy định Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã phải được đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã

ngành quân sự cơ sở trình độ trung cấp, cao đẳng hoặc đại học tại nhà trường quân đội.

3.2. Tập huấn, bồi dưỡng các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ (Điều 27)

Điều 27 Luật DQTV năm 2019 xác định rõ trong thời bình, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh, các chức vụ chỉ huy DQTV được tập huấn, bồi dưỡng theo chương trình cho từng đối tượng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và tình hình của địa phương, cơ quan, tổ chức.

Trong thời bình, thời gian huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật hằng năm được quy định như sau: DQTV năm thứ nhất là 15 ngày, trừ dân quân thường trực; DQTV từ năm thứ hai trở đi là 12 ngày đối với DQTV cơ động, DQTV biên, DQTV phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế; 07 ngày đối với DQTV tại chỗ; Dân quân thường trực là 60 ngày. Trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh, DQTV được huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và tình hình của địa phương, cơ quan, tổ chức.

4. Hoạt động của dân quân tự vệ

4.1. Hoạt động sẵn sàng chiến đấu (Điều 29)

Các hoạt động sau sẵn sàng chiến đấu gồm: (1) Duy trì và thực hiện chế độ hoạt động sẵn sàng chiến đấu của DQTV; (2) Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch về DQTV; (3) Làm nòng cốt xây dựng thôn, xã, phường, thị trấn chiến đấu; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, khu vực phòng thủ, nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ở địa phương; (4) Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng và hoạt động khác.

4.2. Hoạt động chiến đấu, phục vụ chiến đấu (Điều 30)

Các hoạt động chiến đấu, phục vụ chiến đấu gồm: (1) Mở rộng lực lượng DQTV theo quyết định của cấp có thẩm quyền; (2) Bảo vệ việc phòng tránh, sơ tán của cơ quan, tổ chức, Nhân dân và mục tiêu được giao; (3) Đánh địch bảo vệ thôn, xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức trong khu vực phòng thủ; (4) Phục vụ chiến đấu trong khu vực phòng thủ; (5) Tham gia đấu tranh chính trị; xây dựng, củng cố thôn, xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức bám trụ chiến đấu.

4.3. Hoạt động phối hợp của DQTV (Điều 31)

Điều 31 quy định DQTV phối hợp với lực lượng chức năng trong các hoạt động sau đây: (1) Bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, hải đảo, vùng biển, vùng trời Việt Nam; (2) Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; (3) Tuyên truyền, vận động Nhân dân xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện; thực hiện chính sách xã hội; (4) Phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và hoạt động phòng thủ dân sự khác.

4.4. Thẩm quyền điều động DQTV (Điều 32)

Điều 32 quy định, trong trường hợp chưa đến mức tuyên bố tình trạng chiến tranh, ban bố tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng khẩn cấp, lệnh thiết quân luật, giới nghiêm, khi cần thiết sử dụng DQTV làm nhiệm vụ thì thẩm quyền điều động như sau:

(1) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam điều động DQTV trong phạm vi cả nước;

(2) Tư lệnh quân khu điều động DQTV trong địa bàn quân khu sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có DQTV được điều động;

(3) Tư lệnh Quân chủng Hải quân điều động DQTV biển sau khi thống nhất với Tư lệnh quân khu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi có DQTV biển được điều động;

(4) Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội điều động DQTV trong địa bàn thành phố Hà Nội sau khi được sự nhất trí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam;

(5) Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh điều động DQTV trong địa bàn cấp tỉnh sau khi được sự nhất trí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Tư lệnh quân khu;

(6) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện điều động DQTV trong địa bàn cấp huyện sau khi được sự nhất trí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh;

(7) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã điều động dân quân thuộc quyền trong phạm vi cấp xã sau khi được sự nhất trí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;

(8) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức điều động tự vệ

thuộc quyền trong phạm vi cơ quan, tổ chức sau khi được sự nhất trí của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;

(9) Người đứng đầu doanh nghiệp quân đội điều động tự vệ thuộc quyền trong phạm vi của doanh nghiệp.

Trong tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng khẩn cấp, thiết quân luật, giới nghiêm thì việc điều động, sử dụng DQTV thực hiện theo quy định của Luật Quốc phòng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi có DQTV được điều động phải chấp hành nghiêm quyết định điều động của cấp có thẩm quyền; tiếp nhận, bố trí công việc cho tự vệ sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

5. Chế độ, chính sách và nhiệm vụ chi cho DQTV

Nhìn chung, Luật DQTV năm 2019 cơ bản kế thừa các quy định về chế độ, chính sách đối với DQTV trong Luật DQTV năm 2009, đồng thời bổ sung chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với dân quân thường trực; phụ cấp đặc thù đi biển; bảo đảm tiền ăn, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của DQTV trong tình hình mới, phù hợp với thực tế các địa phương đã và đang thực hiện, cụ thể:

5.1. Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với các chức vụ chỉ huy DQTV (Điều 33)

Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với các chức vụ chỉ huy DQTV được quy định như sau:

(1) Các chức vụ chỉ huy DQTV quy định tại Điều 19 của Luật được hưởng phụ cấp chức vụ.

(2) Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp hằng tháng, bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế; nếu chưa tham gia bảo hiểm xã hội, có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên, khi nghỉ việc thì được trợ cấp một lần.

(3) Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân cơ động, dân quân thường trực được hưởng phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự.

(4) Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã có thời gian công tác từ đủ 60 tháng trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên.

(5) Thôn đội trưởng được hưởng phụ cấp hằng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm chức vụ Tiểu đội trưởng hoặc Trung đội trưởng dân quân tại chỗ.

5.2. Chế độ, chính sách đối với DQTV khi làm nhiệm vụ (Điều 34)

Điều 34 quy định đối với dân quân tại chỗ, dân quân cơ động, dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế được trợ cấp ngày công lao động, bảo đảm tiền ăn; được hưởng chế độ khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ, khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động; được trợ cấp ngày công lao động tăng thêm trong trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV. Khi làm nhiệm vụ trên biển được hưởng phụ cấp đặc thù đi biển; khi làm nhiệm vụ cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hằng ngày thì được bố trí nơi nghỉ, bảo đảm phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu, xe một lần đi và về.

Đối với dân quân biển được hưởng chế độ, chính sách như dân quân tại chỗ, dân quân cơ động, dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế; khi làm nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hải đảo, vùng biển được hưởng trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn tăng thêm; trường hợp là thuyền trưởng, máy trưởng được hưởng phụ cấp trách nhiệm tính theo ngày thực tế hoạt động trên biển.

Đối với dân quân thường trực được hưởng chế độ, chính sách như dân quân tại chỗ, dân quân cơ động, dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế; được hưởng trợ cấp một lần khi được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình; được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế như hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đang tại ngũ; được bảo đảm nơi ăn, nghỉ.

Đối với tự vệ khi làm nhiệm vụ được hưởng nguyên lương, các khoản phúc lợi, phụ cấp, công tác phí, chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật; đối với tự vệ biển khi làm nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hải đảo, vùng biển được hưởng thêm lương, ngạch bậc và tiền ăn tính theo ngày thực tế hoạt động trên biển.

Luật cũng quy định cấp nào quyết định DQTV thực hiện nhiệm vụ thì cấp đó có trách nhiệm bảo đảm chế độ, chính sách.

5.3. Chế độ, chính sách đối với DQTV bị ốm đau, bị tai nạn, chết, bị thương, hy sinh (Điều 35)

Điều 35 quy định, DQTV khi thực hiện nhiệm vụ hoặc đang là học viên đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở thì

được hưởng chế độ, chính sách sau:

(1) Trường hợp không tham gia bảo hiểm y tế, nếu bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương thì được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh;

(2) Trường hợp không tham gia bảo hiểm xã hội, nếu bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa thì được xét trợ cấp tùy theo mức độ suy giảm khả năng lao động; nếu chết thì được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí;

(3) Trường hợp bị thương thì được xét hưởng chính sách như thương binh, nếu hy sinh thì được xét công nhận là liệt sĩ theo quy định của pháp luật.

Dân quân khi thực hiện biện pháp triệt sản, dân quân nữ khi thực hiện biện pháp đặt vòng tránh thai, dân quân nam có vợ sinh con được nghỉ thực hiện nhiệm vụ DQTV; thời gian được nghỉ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

5.4. Nguồn kinh phí cho DQTV (Điều 36)

Luật DQTV năm 2019 quy định, ngân sách nhà nước bảo đảm cho DQTV của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và địa phương. Việc lập, chấp hành và quyết toán ngân sách thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Kinh phí bảo đảm cho tự vệ của tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại Điều 39 của Luật được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc lập dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo chế độ kế toán tài chính áp dụng đối với các đơn vị.

Đối với địa phương khó khăn về ngân sách được ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí để thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách trung ương.

6. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về DQTV

Kế thừa Luật DQTV năm 2009, Luật DQTV năm 2019 điều chỉnh, bổ sung một số quy định mới để thống nhất với các luật có liên quan, bảo đảm tính minh bạch, quy định rõ trách nhiệm của từng bộ, ngành, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương. Trong đó xác định:

(1) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về DQTV.

(2) Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về DQTV và có trách nhiệm: Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

ban hành và ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về DQTV; Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng chiến lược, chính sách, đề án, dự án, kế hoạch, nghiên cứu khoa học về DQTV; Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở; tập huấn, bồi dưỡng các chức vụ chỉ huy DQTV; Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng lực lượng, huấn luyện quân sự, hoạt động, xây dựng kế hoạch và mở rộng lực lượng DQTV; Phối hợp với Bộ, ngành trung ương chỉ đạo, hướng dẫn địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện chế độ, chính sách cho DQTV theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; Chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng mô hình điểm về DQTV, công trình chiến đấu cho DQTV; Thực hiện hợp tác quốc tế về DQTV; Chủ trì hoặc phối hợp với Bộ, ngành trung ương, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về DQTV theo thẩm quyền; Tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về DQTV; Thực hiện các nhiệm vụ khác về DQTV theo quy định của pháp luật.

(3) Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc phối hợp hoạt động giữa các đơn vị Công an nhân dân và DQTV trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; Chỉ đạo công an các địa phương phối hợp với cơ quan quân sự cùng cấp, cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện pháp luật về DQTV.

(4) Các Bộ, cơ quan, tổ chức ở Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về DQTV và có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 43.

(5) Chính quyền địa phương các cấp có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 44 của Luật.

(6) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về DQTV; giám sát việc thực hiện pháp luật về DQTV.

7. Thi đua, khen thưởng và xử lý vi phạm

Công tác thi đua, khen thưởng, xử lý vi phạm được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Dân quân tự vệ khi làm nhiệm vụ nếu vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành

chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chiến sĩ Dân quân tự vệ có hành vi vi phạm bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật sau đây: (1) Khiển trách; (2) Cảnh cáo; (3) Tước danh hiệu Dân quân tự vệ.

Các chức vụ chỉ huy đơn vị Dân quân tự vệ có hành vi vi phạm bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật sau đây: (1) Khiển trách; (2) Cảnh cáo; (3) Giáng chức; (4) Cách chức; (5) Tước danh hiệu Dân quân tự vệ.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn và thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với Dân quân tự vệ.

8. Điều khoản thi hành

Điều 49 Luật DQTV năm 2019 quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật về quốc phòng.

Luật DQTV năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020. Luật Dân quân tự vệ số 43/2009/QH12 hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Các TC: CT-XH, CT-XH-NN tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Báo cáo viên PL cấp tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Phòng TP huyện, TP;
- Webservice STP (đăng tải);
- Lưu XDKTTHPL&PBGDPL.

(Để
tuyên
truyền)

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG